

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN NHƯ THANH
TỈNH THANH HÓA**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số:17/2018/HSST

Ngày: 21/11/2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NHƯ THANH - TỈNH THANH HÓA**

Với Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Lê Văn Quân

Các hội thẩm nhân dân:

1. Ông: Hoàng Trọng Thọ

2. Bà: Lê Thị Giang

Thư ký toà án ghi biên bản phiên toà Bà: Nguyễn Thị Nhung - Thư ký Toà án nhân dân huyện Như Thanh - Thanh Hóa.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Như Thanh Bà: Nguyễn Thị Nga - KSV VKSND huyện Như Thanh - Thanh Hóa.

Ngày 21/11/2018 Tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Như Thanh, tỉnh Thanh Hóa đưa ra xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 20/2018/HSST ngày 30/10/2018. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 19/2018/QĐXXST-HS ngày 18/11/2018 đối với bị cáo đối với bị cáo:

Nguyễn Thiên D1 - Sinh ngày 28/02/1994; Trú tại: Thôn Xuân H, xã Xuân K, huyện Như T, tỉnh Thanh Hóa; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hoá: 9/12; Dân tộc: Kinh; Con ông: Nguyễn Thiên L (Đã chết) và bà: Hồ Thị T, SN 1953.

Tiền án; tiền sự: Không

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 18/8/2018 đến ngày 21/8/2018 thì bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú. Hiện bị cáo đang tại ngoại.

*** Người bị hại:**

1. Anh: Nguyễn Văn D2 - Sinh năm 1995 (Vắng mặt)

Trú tại: Thôn Hải X, xã Hải L, huyện Như T, Thanh Hóa.

2. Anh: Trương Đình V – Sinh năm 1993 (Vắng mặt)

Trú tại: Khu 11, xã Tiên P, huyện Phù N, tỉnh Phú Thọ.

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan**

1. Anh Lục Anh T - Sinh năm 1983 (Có mặt)

Trú tại: Khu phố 3, TT. Bến S, huyện Như T, tỉnh Thanh hóa.

2. Anh: Nguyễn Ngọc S – Sinh năm 1970 (Vắng mặt)

Trú tại: Khu phố 3, TT. Bến S, huyện Như T, tỉnh Thanh hóa.

3. Ông: Nguyễn Văn A – Sinh năm 1969 (Có mặt)

Trú tại: Thôn Hải X, xã Hải L, huyện Như T, tỉnh Thanh hóa.

* Người làm chứng:

Chị: Quách Thị M – Sinh năm 1983 (Vắng mặt)

Trú tại: Thôn Kim S, xã Hải V, huyện Như T, tỉnh Thanh hóa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Thiên D1 sinh năm 1994, trú tại Thôn Xuân H, xã Xuân K, Như T, Thanh Hóa, trong 02 ngày: ngày 09 và ngày 10/5/2016 đã thực hiện hành vi mượn tài sản (là xe máy) của người quen rồi đem đi cầm cố để lấy tiền tiêu sài và sau đó bỏ trốn.

Lần thứ nhất: vào sang ngày 09/5/2016 tại quán cà phê – Karaoke của chị Quách Thị M ở Thôn Kim S, xã Hải V, Như Thanh, Thanh Hóa, D1 là nhân viên phục vụ tại quán có gặp và hỏi mượn anh Trương Đình V, SN 1993 ở Tiên Phú, huyện Phù Ninh, tỉnh Phú Thọ 01 xe máy nhãn hiệu Honda, loại xe Waves, BKS: 19P1-125.23 (trong cốp xe có 01 CMND; 01 giấy phép lái xe mang tên Trương Đình V; 01 đăng ký xe mô tô mang tên Trương Thị Thu Nga), V đồng ý cho D1 mượn. Đến khoảng 21h cùng ngày D1 mang chiếc xe máy trên đến hiệu cầm đồ Lục Anh T ở KP3, TT Bến S, huyện Như T cùng giấy tờ trong cốp xe, thỏa thuận anh T cho D1 vay 8.000.000đ (tám triệu đồng), sau 01 tuần sẽ trả. Đến khoảng 22h30 cùng ngày, không thấy D1 mang xe về trả nên anh V gọi cho D1, thì D1 trả lời “tí nữa anh mang xe về”. Anh V tiếp tục chờ đến khoảng 23h vẫn không thấy D1 mang xe về trả, nên tiếp tục gọi điện cho D1 thì không liên lạc được. Đến ngày 12/5/2016 anh V biết được việc D1 đã mang xe máy mượn của mình đi cầm cố để lấy tiền, tại hiệu cầm đồ Lục Anh T. Do cần có phương tiện đi lại nên anh V đã bỏ ra số tiền 8.000.000đ (tám triệu đồng) để chuộc xe máy về.

Lần thứ hai: vào 16h ngày 10/5/2016 D1 gọi điện thoại cho Nguyễn Văn D2, SN 1995 trú tại Thôn Hải X, xã Hải L, huyện Như T, tỉnh Thanh Hóa và hẹn D2 đến Khu phố Vĩnh Long 1, TT Bến Sung, huyện Như T, Thanh Hóa để D1 gặp. Khi đến nơi D1 nói với D2 “mày đứng ở đây chờ, cho tao mượn xe đi đây tí”, D2 đồng

ý và đưa cho D1 mượn chiếc xe máy nhãn hiệu Honda Airblade, BKS: 36B3-990.73 (trong cốp xe có 01 GPLX mang tên D2, 01 đăng ký xe và 01 mũ bảo hiểm của chiếc xe trên). Sau khi mượn được xe, D1 mang chiếc xe máy trên đến hiệu cầm đồ Sinh Duyên ở KP3, TT Bến S, huyện Như T cùng giấy tờ trong cốp xe, thỏa thuận anh S cho D1 vay 15.500.000 (mười lăm triệu năm trăm nghìn đồng) đến 13/5/2016 sẽ trả. Anh D2 sau khi cho D1 mượn xe chờ khoảng 01 giờ đồng hồ nhưng không thấy D1 mang xe về trả, nên gọi điện cho anh D1, thì D1 trả lời “đang về rồi cứ đứng đó chờ”, chờ đến 18h cùng ngày, D2 tiếp tục gọi điện cho D1 thì không liên lạc được. Sau đó D1 nhắn tin cho anh D2 nói là đã cầm cố chiếc xe trên để lấy tiền và hẹn đến ngày 11/5/2016 sẽ mang xe về trả. Nhưng đến ngày hẹn D1 vẫn không mang xe về trả. Do cần có xe máy để làm phương tiện đi lại nên gia đình anh D2 đã đến hiệu cầm đồ Sinh Duyên để chuộc xe về. Sau khi chiếm đoạt và cầm cố 02 chiếc xe máy trên để lấy tiền, D1 đã bỏ trốn khỏi địa phương, cơ quan CSĐT công an huyện Như Thanh đã ra lệnh truy nã, đến ngày 18/8/2018 bị bắt theo lệnh truy nã.

Ngày 14/6/2016, hội đồng định giá tài sản, đã có kết luận định giá: 01 xe máy nhãn hiệu Honda, loại xe Waves, BKS: 19P1-125.230 trị giá: 10.200.000đ (mười triệu hai trăm nghìn đồng); 01 xe máy nhãn hiệu Honda Airblade, BKS: 36B3-990.73 trị giá: 28.200.000 (hai tám triệu hai trăm nghìn đồng). Tổng trị giá 02 chiếc xe máy bị chiếm đoạt là 38.400.000đ (ba tám triệu bốn trăm nghìn đồng). Đối với 02 chủ hiệu cầm đồ là anh Lục Anh T và anh Nguyễn Ngọc S đều ở KP3, TT Bến Sung đã nhận cầm cố 02 chiếc xe máy mà D1 chiếm đoạt được với tổng giá trị 38.400.000đ (ba tám triệu bốn trăm nghìn đồng) quá trình điều tra xác định: Khi nhận cầm cố tài sản bản thân T và S không biết đó là tài sản do chiếm đoạt mà có. Tuy nhiên hành vi của T và S đã vi phạm quy định về kinh doanh dịch vụ cầm đồ. Căn cứ điểm e, khoản 2, Điều 11 Nghị định 167/2013/NĐ-CP của Chính phủ, Công an huyện Như Thanh ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính bằng hình thức phạt tiền đối với hai chủ hiệu cầm đồ nói trên.

Về vật chứng của vụ án và trách nhiệm dân sự:

- Đối với vật chứng vụ án:

+ Đối với chiếc xe máy nhãn hiệu Honda Airblade màu vàng đen BKS 36B3-990.73 quá trình điều tra xác định chiếc xe máy trên thuộc quyền sở hữu của anh Nguyễn Văn A (bố đẻ anh Nguyễn Văn D2) trú tại Thôn Hải X, xã Hải L, huyện Như T, Thanh Hóa nên cơ quan cảnh sát điều tra đã trả lại cho chủ sở hữu tài sản theo quy định.

+ Đối với chiếc xe máy nhãn hiệu Honda Waves màu đỏ-đen BKS 19P1-125.23, quá trình điều tra xác định chiếc xe máy trên của anh Trương Đình V, trú tại Khu 11, Tiên Phú, Phù Ninh, Phú Thọ. Nên cơ quan điều tra đã trả lại cho chủ tài sản theo quy định.

+ Đối với số tiền 8.000.000đ (tám triệu đồng) D1 bồi thường cho anh Trương Đình V, hiện đang được quản lý theo quy định của pháp luật.

+ Đối với 01 (một) hợp đồng cầm đồ của hiệu cầm đồ Sinh Duyên; 01 (một) giấy phép lái xe, mang tên Nguyễn Thiên D1, 01 (một) giấy vay tiền đều là bản photo được chuyển kèm theo hồ sơ vụ án.

- Về phần dân sự: Sau khi bị bắt, bị cáo D1 đã cùng với gia đình bồi thường toàn bộ trị giá tài sản đã chiếm đoạt cho 02 gia đình bị hại, người bị hại cũng như chủ 02 hiệu cầm đồ là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đã đồng ý nhận bồi thường và cam kết không có yêu cầu đề nghị gì về phần dân sự.

Quá trình điều tra, Nguyễn Thiên D1 đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình phù hợp với tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án.

Tại bản cáo trạng số:18/CT-VKS ngày 29/10/2018 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Như T, truy tố bị cáo Nguyễn Thiên D1 về tội “Lạm dụng tín nhiệm đoạt tài sản” theo quy định tại điểm a khoản 1 điều 140 BLHS.

Tại phiên toà hôm nay đại diện VKS vẫn giữ nguyên nội dung truy tố và đề nghị áp dụng điểm a khoản 1 điều 140 BLHS; Điểm b, p Khoản 1 điều 46; điểm g khoản 1 Điều 48; Điều 33 HLHS năm 1999 được sửa đổi bổ sung năm 2009. Đề nghị mức hình phạt đối với bị cáo là từ 12 đến 18 tháng tù.

* Về TNDS: Đề nghị HĐXX công nhận bị cáo D1 đã cùng với gia đình bồi thường toàn bộ trị giá tài sản đã chiếm đoạt cho 02 gia đình bị hại, người bị hại cũng như chủ 02 hiệu cầm đồ là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đã đồng ý nhận bồi thường và cam kết không có yêu cầu đề nghị gì về phần dân sự.

* Về tang vật vụ án: Đề nghị HĐXX công nhận việc Cơ quan điều tra Công an huyện Như Thanh đã trả lại chiếc xe máy nhãn hiệu Honda Airblade màu vàng đen BKS 36B3-990.73 cho anh Nguyễn Văn A (bố đẻ anh Nguyễn Văn D2) trú tại Thôn Hải X, xã Hải L, huyện Như T, Thanh Hóa; trả lại chiếc xe nhãn hiệu Honda Waves màu đỏ-đen BKS 19P1-125.23 cho anh Trương Đình V, trú tại Khu 11, Tiên P, Phù N, Phú Thọ là chủ sở hữu tài sản theo quy định.

- Đối với số tiền 8.000.000đ (tám triệu đồng) D1 bồi thường cho anh Trương Đình V, hiện đang được quản lý theo quy định của pháp luật đề nghị HĐXX trả lại cho anh Trương Đình V.

- 01 (một) hợp đồng cầm đồ của hiệu cầm đồ Sinh Duyên; 01 (một) giấy phép lái xe, mang tên Nguyễn Thiên D1, 01 (một) giấy vay tiền đều là bản photo được chuyển kèm theo hồ sơ vụ án là tài liệu vụ án nên tiếp tục quy trữ trong hồ sơ vụ án.

- Về hình phạt bổ sung: Vì bị cáo chưa có gia đình, không có công ăn việc làm ổn định, không có thu nhập, sống phụ thuộc vào mẹ, bản thân gia đình là hộ cận nghèo, sinh sống tại xã 135 rất khó khăn về kinh tế nên đề nghị HĐXX miễn hình phạt bổ sung là hình phạt tiền cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Như T, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Như T, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, phù hợp với lời khai của bị cáo tại giai đoạn điều tra, phù hợp với lời khai của người bị hại, người làm chứng và các chứng cứ, tài liệu đã được thu thập có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra xác minh tại phiên tòa, đủ cơ sở để khẳng định:

Do có quen biết với nhau nên vào ngày 09/5/2016 tại quán Cafe Karaoke Mai chi tại Thôn Kim S, xã Hải V, huyện Như T Nguyễn Thiên D – sinh năm 1994 trú tại: Thôn Xuân H, xã Xuân K, huyện Như T, tỉnh Thanh hóa đã mượn xe moto BKS 19P1 125.23 của anh Trương Đình V – sinh năm 1993, trú tại Khu 11, Tiên P, Phù N, Phú Thọ đi chơi game sau đó nảy sinh ý định chiếm đoạt chiếc xe nên đã mang xe đến tiệm cầm đồ Lục Anh T cầm cố lấy 8.000.000đ; đến ngày 10/5/2016 Nguyễn Thiên D lại gọi điện cho bạn là anh Nguyễn Văn D2 sinh năm 1995, trú tại: Khu phố Vĩnh Long 1, TT. Bến sung, huyện Như T hẹn ra ngã 3 Vĩnh Long, TT. Bến Sung, huyện Như T để nhờ việc, khi gặp D2 bị cáo D1 đã mượn xe BKS 36B3 990.73 do anh D2 điều khiển để đi có việc, sau khi mượn được xe bị cáo đã nảy sinh ý định chiếm đoạt nên đã mang xe máy BKS 36B3 990.73 đến hiệu cầm

đồ Sinh Duyên địa chỉ tại TT. Bến sung, huyện Như T lấy 15.500.000đ rồi bỏ trốn khỏi địa phương.

Ngày 14/6/2016 Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Như T đã kết luận: Xe moto BKS 19P1 125.23 trị giá 10.200.000đ; xe moto BKS 36B3 990.73 trị giá 28.400.000đ; Tổng giá trị tài sản 02 chiếc xe máy mà bị cáo chiếm đoạt là 38.400.000đ.

Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Hành vi nêu trên của bị cáo Nguyễn Thiên D1 đã đủ yếu tố cấu thành tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại điểm a khoản 1 điều 140 của BLHS như đề nghị của Đại diện VKS là đúng pháp luật.

[3] Về áp dụng bộ luật hình sự: Xét hành vi phạm tội của bị cáo thực hiện trước 0 giờ 00 ngày 01/01/2018 ngày bộ luật Hình sự năm 2015 có hiệu lực, qua so sánh giữa khoản 1 Điều 140 của BLHS 1999 tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” và khoản 1 Điều 175 tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” của Bộ luật Hình sự năm 2015 thì điều 140 BLHS năm 1999 có mức hình phạt thấp hơn nên thuộc trường hợp có lợi bị cáo, vì vậy Hội đồng xét xử áp dụng các quy định của bộ luật Hình sự năm 1999 để giải quyết vụ án.

Điều 140 của Bộ luật hình sự 1999 sửa đổi bổ sung năm 2009 quy định:

1. Người nào có một trong những hành vi sau đây chiếm đoạt tài sản của người khác trị giá từ 4.000.000đ đến dưới 50.000.000đ hoặc dưới 4.000.000đ nhưng gây hậu quả nghiêm trọng hoặc đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi chiếm đoạt tài sản hoặc đã bị kết án về tội chiếm đoạt tài sản, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 03 tháng đến 03 năm.

a. Vay, mượn, thuê tài sản của người khác hoặc nhận được tài sản của người khác bằng hình thức hợp đồng rồi dùng thủ đoạn gian dối hoặc bỏ trốn để chiếm đoạt tài sản đó.

Hành vi phạm tội nêu trên của bị cáo Nguyễn Thiên D1 đã xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của người khác, ảnh hưởng đến trật tự an toàn xã hội, là hành vi nguy hiểm cho xã hội, cần phải được xử lý nghiêm minh trước pháp luật nhằm cải tạo giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung.

[4] Bị cáo thực hiện 02 lần chiếm đoạt tài sản, mỗi lần giá trị tài sản đều trên 4.000.000đ do vậy bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng TNHS “phạm tội nhiều lần, tái phạm, tái phạm nguy hiểm” theo quy định tại điểm g khoản 1 điều 48 BLHS.

[5] Sau khi phạm tội bị cáo bỏ trốn sang Thái Lan và sau khi bị truy nã đã được cơ quan cảnh sát điều tra tác động về nước và bị Công an cửa khẩu Nội Bài bắt, trong quá trình điều tra và tại phiên tòa hôm nay, bị cáo thành khẩn khai báo, bản thân bị cáo đã tự nguyện bồi thường, khắc phục hậu quả trả lại tiền cho người bị hại và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo qui định tại Điểm b, p Khoản 1 Điều 46 HLHS nên khi quyết định hình phạt HĐXX cần xem xét giảm nhẹ cho bị cáo một phần hình phạt để bị cáo thấy được sự khoan hồng của pháp luật mà cải tạo tu dưỡng thành công dân tốt.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo và người bị hại đã tự thỏa thuận giải quyết xong phần TNDS nay người bị hại không có yêu cầu gì về TNDS, việc thỏa thuận này là tự nguyện và hợp pháp nên được HĐXX công nhận.

[7] Về tang vật của vụ án:

Chấp nhận việc Cơ quan điều tra Công an huyện Như Thanh đã trả lại chiếc xe máy nhãn hiệu Honda Airblade màu vàng đen BKS 36B3-990.73 cho anh Nguyễn Văn A (bố đẻ anh Nguyễn Văn D2) trú tại Thôn Hải X, xã Hải L, huyện Như T, Thanh Hóa; trả lại chiếc xe nhãn hiệu Honda Waves màu đỏ đen BKS 19P1-125.23 cho anh Trương Đình V, trú tại Khu 11, Tiên P, Phù N, Phú Thọ là chủ sở hữu tài sản theo quy định tại khoản 1; điểm b khoản 3 điều 106 BLTTHS.

Trả lại cho anh Trương Đình V Trú tại Khu 11, Tiên P, Phù N, Phú Thọ số tiền 8.000.000đ (tám triệu đồng) do bị cáo D1 bồi thường, hiện số tiền đang được tạm gửi tại số tài khoản của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Như Thanh theo biên lai thu số AA/2010/003134 ngày 31/10/2018 của Chi cục THADS huyện Như Thanh theo quy định tại khoản 1; điểm a khoản 3 điều 106 BLTTHS.

Tiếp tục quy trữ trong hồ sơ vụ án 01 (một) hợp đồng cầm đồ của hiệu cầm đồ Sinh D2ên; 01 (một) giấy phép lái xe, mang tên Nguyễn Thiên D1, 01 (một) giấy vay tiền đều là bản photo được chuyển kèm theo hồ sơ vụ án là tài liệu của vụ án.

[8] Về hình phạt bổ sung: bị cáo chưa có gia đình, không có công ăn việc làm ổn định, không có thu nhập, sống phụ thuộc vào mẹ, bản thân gia đình là hộ cận nghèo, sinh sống tại xã 135 rất khó khăn về kinh tế nên HĐXX miễn hình phạt bổ sung là hình phạt tiền cho bị cáo.

[9] Về án phí: Áp dụng các điều 135; 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 6; Khoản 1 Điều 23 Nghị Quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ quốc hội qui định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử

dụng án phí và lệ phí Tòa án. Bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH

Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Thiên D1 phạm tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”

Áp dụng: Điểm a Khoản 1 Điều 140; Điểm b, p Khoản 1 Điều 46; điểm g khoản 1 điều 48; Điều 33 của BLHS năm 1999 sửa đổi bổ sung năm 2009; Các điều 135; 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 6; Khoản 1 Điều 23 Nghị Quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ quốc hội qui định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử phạt: Nguyễn Thiên D1 12 tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt đi thi hành án được trừ đi 04 ngày là thời gian bị tạm giữ (từ ngày 18/8/2018 đến ngày 21/8/2018).

Về trách nhiệm dân sự: Công nhận việc bị cáo và người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã tự thỏa thuận giải quyết xong phần TNDS.

Về tang vật của vụ án:

Công nhận việc Cơ quan điều tra Công an huyện Như Thanh đã trả lại chiếc xe máy nhãn hiệu Honda Airblade màu vàng đen BKS 36B3-990.73 cho anh Nguyễn Văn A (bố đẻ anh Nguyễn Văn D2) trú tại Thôn Hải X, xã Hải L, huyện Như T, Thanh Hóa; trả lại chiếc xe nhãn hiệu Honda Waves màu đỏ-đen BKS 19P1-125.23 cho anh Trương Đình V, trú tại Khu 11, Tiên P, Phù N, Phú Thọ là chủ sở hữu tài sản theo quy định tại khoản 1; điểm b khoản 3 điều 106 BLTTHS.

Tiếp tục quy trữ trong hồ sơ vụ án 01 (một) hợp đồng cầm đồ của hiệu cầm đồ Sinh D2ên; 01 (một) giấy phép lái xe, mang tên Nguyễn Thiên D1, 01 (một) giấy vay tiền đều là bản photo được chuyển kèm theo hồ sơ vụ án là tài liệu của vụ án.

Trả lại cho anh Trương Đình V Trú tại Khu 11, Tiên P, Phù N, Phú Thọ số tiền 8.000.000đ (tám triệu đồng) do bị cáo D1 bồi thường, hiện số tiền đang được tạm gửi tại sổ tài khoản của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Như Thanh theo biên lai thu số AA/2010/003134 ngày 31/10/2018 của Chi cục THADS huyện Như Thanh theo quy định tại khoản 1; điểm a khoản 3 điều 106 BLTTHS.

Về hình phạt bổ sung: Miễn hình phạt bổ sung là hình phạt tiền cho bị cáo.

Về án phí: Áp dụng các điều 135; 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 6; Khoản 1 Điều 23 Nghị Quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ quốc hội qui định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc Nguyễn Thiên Dư phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

*** Quyền kháng cáo:** Áp dụng điều 331; 333 của Bộ luật tố tụng hình sự.

Bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được hoặc ngày niêm yết bản án./.

Nơi nhận:

- Bị cáo; Người bị hại.
Người có QL&NVLQ
- TAND tỉnh Thanh hóa.
- VKSND huyện Như T.
- VKSND tỉnh Thanh hóa.
- Công an huyện Như Thanh.
- Lưu hồ sơ.

**TM/HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM.
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

Lê Văn Quân